

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HSST
Ngày: 15-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lường Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Phương;

Ông Nhữ Quang Hưng;

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Mai - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La
tham gia phiên toà: Ông Lường Văn Dũng - Kiểm sát viên.*

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/HSST – QĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Quàng Văn T; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1987; tại xã CB, huyện QN, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã CB, huyện QN, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Quàng Văn G , sinh năm 1960; con bà: Quàng Thị Q, sinh năm: 1960; bị cáo có vợ: Quàng Thị T, sinh năm: 1988 và 2 con sinh đôi, 8 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện QN, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù giam về tội: Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 22-9-2017 cho đến nay có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

1. Bà Đoàn Thị L;

Địa chỉ: Tiểu khu X, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Lò Thị D;

Địa chỉ: Bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 20-9-2017, Quảng Văn T đi một mình từ nhà đến khu vực ngã ba xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La chơi. Đến khoảng 01 giờ ngày 21-9-2017, T đến cửa hàng kinh doanh dịch vụ Internet của bà Đoàn Thị L; địa chỉ: Tiểu khu X, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La để chơi trò chơi điện tử. Lúc này Quảng Văn T phát hiện trong sân trước cửa nhà bà Đoàn Thị L có dựng một chiếc xe mô tô BKS 26M1 - 091.59, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng – đen (thuộc sở hữu của bà Đoàn Thị L). Quan sát thấy không có ai trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. T dắt chiếc xe từ sân nhà bà L ra đầu cầu bắc qua suối gần chợ TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, cách nhà bà L khoảng 70m. T luồn tay vào trong sườn xe móc giắc ổ khóa, đấu điện để khởi động xe. Sau đó T điều khiển xe đi một mình đến bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, rồi giấu xe vào một bụi cây và ngủ qua đêm tại đó. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T sử dụng 01 (một) chiếc chìa khóa xe máy nhặt được trước đó, để tháo biển số của chiếc xe mô tô BKS 26M1 - 091.59 để vào trong cốp xe và điều khiển xe đi đến khu vực mố nước ở bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì gặp một người tên là Th (T không biết đầy đủ họ tên, địa chỉ của Th). T và Th đứng nói chuyện cùng nhau ở ven đường vào bản T được khoảng 10 phút thì phát hiện 01 (một) con dê (là dê cái, lông màu đen xám, đang mang thai, nặng 35kg,) là dê của gia đình chị Lò Thị D, trú tại bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đang ăn cỏ ở gần đó. Th rủ T cùng bắt trộm con dê đó. T đồng ý và cả hai cùng đuổi bắt dê. Khi bắt được dê, Th giữ đầu con dê, còn T chạy đi nhặt một chiếc bao tải dứa màu da cam ở ven đường cách đó 60m rồi quay lại cho con dê vào bao tải. Do bao tải đã mục, con dê dấy dựa làm rách bao nên T giữ lấy chân dê, còn Th cầm đầu vắn cổ con dê cho đến chết. Do sợ bị phát hiện, T và Th khiêng con dê giấu vào bụi cây gần đó để chờ khi trời tối sẽ mang dê đi bán. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Th và T khiêng con dê đặt lên giá để đồ phía trước của chiếc xe mô tô T trộm được, rồi T điều khiển xe mô tô đi một mình chở theo con dê vào trong bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La để tìm chỗ bán. Khi T đến hỏi bán dê cho ông Lò Văn B, ở bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì quần chúng nhân dân nghi ngờ T trộm dê nên đã báo tin cho Công an xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến xác minh và đưa T về UBND xã làm việc. Thu giữ vật chứng gồm:

- 01 chiếc xe máy: BKS 26M1 - 091.59, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng – đen.

- 01 con dê cái, lông màu đen xám, đang mang thai, nặng 35kg.

- 01 bao tải dứa màu da cam, đã bị rách trên diện rộng, có dính bùn đất màu nâu.

Quá trình điều tra, bị can Quảng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên.

Ngày 22-9-2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số: 313/QĐ-TCĐG để trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La định giá tài sản do Quảng Văn T trộm cắp gồm: 01 (một) con dê và 01 (một) chiếc xe mô tô.

Tại kết luận số: 455/KLGD ngày 22-9-2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu kết luận: Giá trị của con dê cái có trọng lượng 35kg là 3.500.000^d; Giá trị của chiếc xe mô tô là 17.100.000^d. Tổng giá trị tài sản Quảng Văn T trộm cắp là: 20.600.000^d.

*** Về bồi thường dân sự:**

Người bị hại bà Đoàn Thị L đã nhận lại 01 chiếc xe máy: BKS 26M1 - 091.59, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng – đen và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người bị hại chị Lò Thị D đã nhận lại được 01 con dê cái, lông màu đen xám, đang mang thai, nặng 35kg. Tại phiên tòa người bị hại Lò Thị D yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền: 2.500.000^d.

Tại bản cáo trạng số: 178/KSĐT, ngày 29-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Quảng Văn T về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Quảng Văn T về điều, khoản và tội danh trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS:

Xử phạt bị cáo Quảng Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-9-2017.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải dứa màu da cam, đã bị rách trên diện rộng, có dính bùn đất màu nâu;

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại bà Đoàn Thị L 01 chiếc xe máy: BKS 26M1 - 091.59, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng - đen và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chấp nhận việc Cơ qua quan điều tra đã trả lại cho người bị hại chị Lò Thị D 01 con dê cái, lông màu đen xám, đang mang thai, nặng 35kg và chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và người bị hại Lò Thị D bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại Lò Thị D số tiền 2.500.000^d.

Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 bao tải dứa màu da cam, đã bị rách trên diện rộng, có dính bùn đất màu nâu.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất trong khung hình phạt cho bị cáo, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ và các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và của những người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 21-9-2017, Quảng Văn T; trú tại: Bản L, xã CB, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một chiếc xe mô tô KS 26M1 - 091.59, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng - đen trị giá 17.100.000^d của bà Đoàn Thị L; trú tại: TKX, xã TL, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tiếp đó Quảng Văn T lại tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt 01(một) con dê cái, lông màu đen xám, đang mang thai, nặng 35kg trị giá 20.600.000^d của chị Lò Thị D; trú tại: Bản T, xã TM, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tài sản đã thu hồi và trả lại cho những người bị hại.

[3]. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, của những người bị hại tại cơ quan điều tra, Biên bản bắt người và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó có đầy đủ điều kiện, đủ căn cứ kết luận bị cáo Quảng Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản. Vi phạm khoản 1 Điều 138 BLHS. Như quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1, khoản 5 Điều 138 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Quảng Văn T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, mục đích chiếm đoạt tài sản để tư lợi cho cá nhân, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm sở hữu, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế, tinh thần của những người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Cần vận dụng khoản 1 điều 138 BLHS, có mức án phạt tù từ sáu tháng đến ba năm đối với bị cáo Quảng Văn T.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Quảng Văn T đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích, nay lại cố tình phạm tội là tái phạm được quy định khoản 1 Điều 49 BLHS. Trong một thời gian ngắn bị cáo phạm tội nhiều lần. Đây là những tình tiết tăng nặng đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

[6]. Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo Quảng Văn T thành khẩn khai báo, tuy nhiên bị cáo đã bị xử phạt hai lần về tội trộm cắp, đã được đi cải tạo nhưng vẫn cố tình phạm tội với lỗi cố ý. Nay HĐXX xét thấy bị cáo không thật sự ăn năn hối cải về hành vi của mình, do vậy không áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS.

[7]. Song bị cáo là người có sức khỏe, tuổi đời còn trẻ, nhận thức rõ hành vi của mình là phạm pháp, đã được đi cải tạo về tội chiếm đoạt, do không chịu lao động chính đáng, hám lời nên coi thường pháp luật cố tình phạm tội. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Nay xét thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, người công dân tốt có ích cho xã hội. Cần lên một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung nhất là công tác phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

[8]. Bị cáo Quảng Văn T đang bị tạm giam, nay Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án, vận dụng khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTHS.

[9]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù bị cáo Quảng Văn T còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 điều 138 BLHS. Nay Hội đồng

xét xử xét thấy bị cáo không có đủ điều kiện và khả năng thi hành, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. (BL số: 58 HS).

[10]. Về bồi thường dân sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại bà Đoàn Thị Lâm 01 chiếc xe máy: BKS 26M1 - 091.59, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn trắng - đen. Và trả lại cho người bị hại chị Lò Thị D 01 con dê cái, lông màu đen xám, đang mang thai, nặng 35kg. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữ bị cáo và người bị hại Lò Thị D tại phiên tòa như sau: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại chị Lò Thị D số tiền 2.500.000^d. Vận dụng Điều 42 BLHS và Điều 585, Điều 590 BLDS

[11]. Đối với người tên Th, Quảng Văn T khai đã cùng Thiết thực hiện hành vi trộm cắp 01 con dê của gia đình chị Lò Thị D vào ngày 21-9-2017 nhưng T không biết họ tên và địa chỉ cụ thể của Th ở đâu. Qua điều tra Cơ quan CTĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã tiến hành xác minh nhưng không có người đàn ông nào tên là Th có đặc điểm như T đã mô tả. Do đó, không có căn cứ để điều tra, xác minh.

[12]. Về vật chứng vụ án: Đối với hũy 01 bao tải dứa màu da cam, đã bị rách trên diện rộng, có dính bùn đất màu nâu thu giữ được của bị cáo là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, xét không còn giá trị sử dụng, do vậy cần tuyên tịch thu tiêu hủy. Vận dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

[13]. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Vận dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

1.Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS:

Xử phạt bị cáo Quảng Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-9-2017 (Là ngày bắt tạm giam giữa đối với bị cáo).

2.Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy: 01 bao tải dứa màu da cam, đã bị rách trên diện rộng, có dính bùn đất màu nâu;

3. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS và Điều 585, Điều 590 BLDS: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữ bị cáo Quảng Văn T và người bị hại chị Lò Thị D như sau: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại chị Lò Thị D số tiền 2.500.000^d.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Quảng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là: 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS: Bị cáo Quảng Văn T, người bị hại Lò Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại bà Đoàn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (02);
- Sở Tư pháp
- CA huyện;
- THA hình sự;
- Chi cục THADS;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Thị Hương